

TỔ CHỨC XỨ ĐẠO TRONG GIÁO HỘI CÔNG GIÁO

NGUYỄN PHÚ LỢI^(*)

Công giáo là một trong những tôn giáo có hệ thống tổ chức chặt chẽ, hoàn chỉnh từ Giáo hội hoàn vũ đến Giáo hội địa phương (giáo phận hay địa phận) và Giáo hội cơ sở (giáo xứ hay xứ đạo)⁽¹⁾. Trong đó, Giáo hội cơ sở giữ một vị trí đặc biệt quan trọng. Bởi đó là nơi diễn ra mọi hoạt động lễ nghi sinh hoạt tôn giáo của tín đồ, là nơi thiết lập mối quan hệ chặt chẽ giữa giáo quyền và giáo dân. Do vậy, nghiên cứu xứ đạo có ý nghĩa thiết thực trong việc tìm hiểu đạo Công giáo, nhất là Công giáo ở Việt Nam - nơi có tổ chức Giáo hội cơ sở rất độc đáo. Bài viết này xin giới thiệu đôi nét về tổ chức xứ đạo trong hệ thống Giáo hội Công giáo nói chung, Giáo hội Công giáo ở Việt Nam nói riêng.

1. Tên gọi, nguồn gốc và sự hình thành xứ đạo

Theo quan điểm thần học, *xứ đạo* còn gọi là *giáo xứ*, trong tiếng Anh *Parish*, tiếng Pháp *Paroisse*, tiếng Latinh *Paroecia* đều có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp *Paroikia*, nghĩa là những người tha hương nơi đất khách quê người, không có quyền công dân. Ban đầu, từ *Paroikia* được dùng để chỉ những người dân Do Thái sống lưu vong trên đất Ai Cập. Về sau, khi đạo Kitô xuất hiện, chính những Kitô hữu dùng thuật ngữ này để gọi giáo đoàn mình, nhưng gọi chung cho toàn bộ Giáo hội. Vì theo quan niệm của họ, Dân Thiên Chúa hay Dân Chúa (những người

theo đạo Kitô) vô gia cư trên thế gian là những người tha hương trên đường lữ hành về thiên đường mà thôi. Sang thế kỉ II, thuật ngữ *Paroikia* dùng để gọi các giáo đoàn do giám mục cai quản. Bởi vì, chỉ giám mục mới có quyền ban hành các phép bí tích và cử hành thánh lễ ở nhà thờ. Về sau, khi linh mục được quyền ban hành một số phép bí tích, cử hành thánh lễ ở nhà thờ, thì các cộng đồng tín đồ Kitô giáo do linh mục cai quản cũng được gọi là *Paroikia* (tức xứ đạo), còn các giáo đoàn do giám mục cai quản được gọi là địa phận hay giáo phận⁽²⁾.

Về cơ sở xã hội, tổ chức Giáo hội Công giáo được xây dựng dựa vào thiết chế chính trị - xã hội của nhà nước Phương Tây cổ đại. Vào các thế kỉ đầu Công nguyên, khi đạo Kitô mới ra đời, các tín

*. ThS., Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo và Tín ngưỡng, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Theo giáo luật, hệ thống tổ chức Giáo hội Công giáo có ba cấp hành chính đạo chính thức, gồm Giáo triều Rôma hay Tòa Thánh do Giáo hoàng đứng đầu; Giáo hội địa phương còn gọi là giáo phận hay địa phận do giám mục cai quản; và Giáo hội cơ sở còn gọi là giáo xứ hay xứ đạo do linh mục cai quản. Giáo triều Rôma vừa là tổ chức hành chính đạo của đạo Công giáo toàn cầu vừa là một quốc gia, Giáo hoàng vừa là người đứng đầu Giáo hội Công giáo hoàn vũ vừa là người đứng đầu Nhà nước Tòa Thánh Vatican. Ngoài ra, còn có một số tổ chức mang tính liên kết, như Liên Hội đồng Giám mục châu lục (Châu Âu, Châu Á, Châu Phi, Châu Mỹ Latinh), Hội đồng Giám mục của một quốc gia, khu vực, giáo miền, giáo tỉnh và giáo hạt.

2. Phan Tấn Thành. *Dân Thiên Chúa - cơ cấu phẩm trật của Giáo hội*. Tập 2. Rôma 1995, tr. 181-182.

đều sống chung thành các cộng đoàn để sinh hoạt tôn giáo, cầu nguyện và giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Trên cơ sở ấy, dần dần tổ chức Giáo hội cũng hình thành dưới sự cai quản của các giám mục. Cơ cấu tổ chức của Giáo hội Kitô sơ khai được mô phỏng theo thể chế hành chính của Đế quốc La Mã cổ đại. Về đơn vị hành chính, Đế quốc La Mã được chia thành các trấn hay miền (Dioasis). Dưới trấn có các tỉnh (Provincia), dưới tỉnh có xứ hay khu (Paroikia). Thủ phủ của các trấn hay tỉnh gọi là thành phố mẹ (Metropolie). Cơ cấu tổ chức của Giáo hội Kitô giáo cũng phỏng theo thể chế này. Giáo hội chia thành các giáo miền, dưới giáo miền có giáo tỉnh, dưới giáo tỉnh có giáo xứ (tương đương với giáo phận ngày nay). Các giám mục tại thủ phủ các trấn gọi là *Tổng giám mục*. Họ có một số quyền hành trên các giám mục khác, như chủ tọa hay phê chuẩn các cuộc bầu cử giám mục giáo tỉnh; triệu tập công đồng giáo miền. Các giám mục tại thủ phủ các giáo tỉnh cũng có một số quyền hành trên các giám mục cai quản xứ đạo, như chủ tọa và phê chuẩn các cuộc bầu cử giám mục xứ; triệu tập công đồng giáo tỉnh; có quyền kinh lý và cử hành thánh lễ tại các nhà thờ xứ trong giáo tỉnh³. Giám mục cai quản xứ đạo có trách nhiệm quản lý cơ sở vật chất, như coi các nhà thờ trong xứ đạo, quản lý tài chính, cử hành các buổi lễ ngày chủ nhật và lễ trọng tại các nhà thờ trong xứ, ban các phép bí tích cho tín đồ, truyền chức thánh cho các linh mục, phó tế.

Trong giai đoạn đầu, chỉ có giám mục mới có quyền cử hành thánh lễ, ban phép bí tích, linh mục và phó tế chỉ có vai trò trợ giúp giám mục như chuẩn bị đồ lễ, đọc sách trong các buổi lễ ngày chủ nhật và lễ trọng, trông coi nhà thờ hoặc quản lý và phân phối đồ cứu trợ cho tín đồ nghèo.

Họ sống tập trung thành cộng đoàn bên cạnh giám mục tại các nhà thờ chính xứ. Dần dần, khi số lượng tín đồ tăng lên, địa bàn xứ đạo được mở rộng, các linh mục cũng được giám mục sai đi cử hành các buổi lễ ngày chủ nhật ở những nhà thờ xa trung tâm xứ đạo. Tuy nhiên, sau buổi lễ, linh mục phải trở về nhà thờ chính xứ không được lưu trú tại địa sở.

Sang thế kỉ IV, bắt đầu xuất hiện một số linh mục thường xuyên sống ở các nhà thờ xa nhà thờ chính xứ, nhất là ở các vùng nông thôn. Vì lúc này, đạo Kitô đã trở thành quốc giáo của Đế quốc La Mã và phát triển khá nhanh, địa bàn xứ đạo được mở rộng, nhà thờ được xây dựng ở nhiều nơi trong xứ đạo. Điều đó làm cho các giám mục quản xứ không thể thường xuyên cử hành các buổi lễ tại tất cả các nhà thờ trong xứ đạo. Vì vậy, họ uỷ quyền cho các linh mục đến các nhà thờ xa trung tâm xứ đạo coi sóc việc đạo cho tín đồ. Những linh mục này không những được phép giảng đạo, tiến hành các buổi thánh lễ, ban phép bí tích cho tín đồ mà còn thường xuyên cư trú và quản lý tài sản của các nhà thờ mà họ được cử tới.

Đến thế kỉ V, cùng với sự sụp đổ của chế độ chiếm hữu nô lệ La Mã, bộ mặt giáo xứ có sự thay đổi. Sự xâm lược của những người “man tộc” vào Đế quốc La Mã đã phá huỷ nhiều nhà thờ, hoặc nhiều nhà thờ, đất đai của Giáo hội bị xâm chiếm biến thành sở hữu của các lãnh chúa. Một số nhà thờ mới xây dựng trên lãnh địa thuộc quyền sở hữu của các lãnh chúa. Để có giáo sĩ lo việc đạo, các lãnh chúa chọn một số thuộc dân của mình đưa tới cho giám mục truyền chức linh mục. Các giám mục quản xứ không có quyền hành gì trên các nhà thờ và các linh mục thuộc quyền sở hữu của

3. Phan Tấn Thành. *Dân Thiên Chúa - cơ cấu phẩm trật của Giáo hội*. Sđd, tr. 207.

lãnh chúa. Nhưng hằng năm, vào các ngày lễ trọng, tín đồ vẫn phải đến nhà thờ chính xứ để tham dự thánh lễ do giám mục quản xứ đạo cử hành, hoặc họ phải đến nhà thờ xứ để lĩnh các phép bí tích như Rửa tội, Hôn phối.

Vào thời trung cổ, một mặt, các giám mục không được quyền bổ nhiệm linh mục hay thay đổi địa giới các xứ đạo thuộc quyền sở hữu của các lãnh chúa. Mặt khác, các dòng Đa Minh, Phan Sinh cũng được Tòa Thánh cho phép lập nhà thờ riêng, có quyền giảng đạo và giải tội tại đó. Vì vậy, nhiều tín đồ rất ít khi tham dự các buổi thánh lễ hoặc chịu các phép bí tích tại nhà thờ chính xứ do giám mục phụ trách⁽⁴⁾.

Tại Công đồng Trentô (1545-1563), nhằm chống lại thần học Tin Lành, Giáo hội Công giáo tiến hành xiết chặt kỉ cương, cải tổ Giáo hội, trong đó có giáo xứ. Theo đó, Giáo hội giao quyền cho giám mục địa phận đào tạo linh mục, bổ nhiệm linh mục chính xứ và có nghĩa vụ viếng thăm các xứ đạo trong địa phận. Đồng thời, Giáo hội cũng thông qua luật buộc linh mục chính xứ phải cư trú tại địa sở và bổn phận giảng dạy giáo dân, cai quản xứ đạo⁽⁵⁾. Theo đó, mô hình xứ đạo được thiết lập ổn định như hiện nay và là thành phần cơ bản của địa phận do linh mục cai quản dưới quyền giám mục địa phận. Việc thiết lập, giải thể hoặc thay đổi xứ đạo thuộc thẩm quyền của giám mục địa phận. Khi đã được thành lập một cách hợp pháp, xứ đạo đương nhiên có tư cách pháp nhân theo giáo luật⁽⁶⁾.

2. Loại hình xứ đạo

Theo giáo luật, loại hình xứ đạo chủ yếu có tính chất chung trên toàn thế giới là *xứ đạo tông thố*, gồm bốn yếu tố cấu thành: có lãnh thổ riêng, có nhà thờ xứ, có một cộng đồng tín đồ nhất định, và có

linh mục quản xứ. Nhưng không phải ở đâu và khi nào xứ đạo cũng hội đủ các yếu tố trên, nhất là ở các vùng truyền giáo, xứ đạo rất đa dạng, phong phú tùy thuộc vào điều kiện môi trường địa lí, lịch sử, văn hoá, xã hội, dân số ở các quốc gia, các khu vực trên thế giới. Có nơi địa giới xứ đạo chỉ bó hẹp trong một xã, thậm chí một làng, song có khi xứ đạo trải rộng ra nhiều xã thậm chí cả huyện. Có xứ đạo số lượng tín đồ lên tới hàng nghìn, thậm chí hàng chục nghìn người, song cũng có xứ đạo chỉ vài trăm người. Cũng có xứ đạo thiết lập cho những tộc người cụ thể, mặc dù chúng vẫn là loại hình giáo hội tông thố. Loại hình này thường có trong các vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Công đồng Vatican II (1962-1965) đặc biệt quan tâm đến việc củng cố đơn vị xứ đạo - hạt nhân của Giáo hội. *Hiến chế về phụng vụ* của Công đồng này nêu rõ: "Các giáo xứ được thiết lập tại địa phương dưới quyền chủ chăn thay mặt giám mục: bởi vì một cách nào đó, các giáo xứ phản ánh giáo hội hữu hình đã được thiết lập trên toàn cõi trái đất"⁽⁷⁾. Công đồng Vatican II rất đề cao vai trò của xứ đạo, xem đó như một hình thức hữu hiệu để sử dụng tín đồ vào công cuộc truyền giáo phát triển đạo. *Sắc lệnh về tông đồ giáo dân* của Công đồng Vatican II xác định: "Giáo xứ là hình thức tông đồ cộng đồng kiểu mẫu, vì nó là nơi quy tụ đủ mọi hạng người thành một cộng đoàn và đem họ vào tinh thần đại đồng của giáo hội"⁽⁸⁾. Điều 515, Bộ

4. Phan Tấn Thành. Sđd, tr. 183-185.

5. Bùi Đức Sinh. *Lịch sử Giáo hội Công giáo*, Quyển II. Hiện Tại xuất bản. Sài Gòn 1972, tr. 89.

6. Phan Tấn Thành. *Dân Thiên Chúa - cơ cấu phẩm trật của Giáo hội*. Sđd, tr. 285.

7. Công đồng chung Vatican II. *Hiến chế, Sắc lệnh, Tuyên ngôn*. Phân khoa Thần học, Giáo hoàng Học viện Thánh Pio X. Đà Lạt 1972, tr. 82-83.

8. Công đồng chung Vatican II. Sđd, tr. 543.

Giáo luật 1983 viết: "Giáo xứ là một cộng đoàn Kitô hữu nhất định được thiết lập cách bền vững trong Giáo hội địa phương, mà trách nhiệm mục vụ được uỷ thác cho linh mục chính xứ như là chủ chăn riêng của giáo xứ ấy, dưới quyền Giám mục giáo phận"⁽⁹⁾. Như vậy, theo Bộ Giáo luật 1983, "cộng đồng tín đồ" được xác định là yếu tố cơ bản của xứ đạo thay vì yếu tố lãnh thổ như bộ luật cũ.

Bộ giáo luật này xác định có hai loại hình giáo xứ, gồm có *giáo xứ tông thổ* và *giáo xứ tông nhân*. Xứ đạo *tông thổ* dựa trên địa vực cư trú của tín đồ, có ranh giới nhất định và là loại hình phổ biến nhất. Xứ đạo *tông nhân* không theo địa vực cư trú mà dựa vào những điểm chung về nghi lễ, ngôn ngữ, nghề nghiệp hay quốc tịch của tín đồ. Ở Việt Nam chủ yếu là các xứ đạo *tông thổ*, được thiết lập trong các làng xã hay các khu dân cư, còn loại hình xứ đạo *tông nhân* mới xuất hiện gần đây, chủ yếu ở các thành phố, các khu công nghiệp.

Cũng theo Bộ Giáo luật 1983, ở những nơi do một điều kiện nào đó chưa lập xứ đạo thì giám mục địa phận phải lập hình thức tổ chức khác và uỷ quyền cho một vị linh mục cai quản, gọi là *chuẩn giáo xứ*. Điều 516, Bộ Giáo luật 1983 viết: "Chuẩn giáo xứ là một cộng đoàn Kitô hữu nhất định trong giáo phận được uỷ thác cho một tư tế như là chủ chăn riêng của chuẩn giáo xứ ấy, nhưng vì hoàn cảnh đặc biệt chưa được thiết lập thành giáo xứ"⁽¹⁰⁾. Trước đây, chuẩn giáo xứ thường dùng để chỉ cho các xứ đạo ở những vùng truyền giáo, một loại *xứ xếp*, chưa trở thành xứ đạo, ví như các *phiên đạo* trong các địa phận do Hội Thừa sai Nước ngoài Paris (MEP) cai quản ở khu vực Đông bằng Bắc Bộ trước năm 1954⁽¹¹⁾. Phiên

đạo "là một loại hình "xứ xếp" hay "xứ phụ", chưa đủ điều kiện để trở thành xứ đạo, nhưng lớn hơn các họ đạo, một loại họ đạo có tầm quan trọng hơn các họ đạo khác trong xứ, nên có linh mục thường xuyên trụ trì"⁽¹²⁾. Nhưng trong các địa phận do Dòng Đa Minh quản lí⁽¹³⁾ gọi là *khu đạo* cũng là một loại hình xứ phụ hay xứ xếp. Cuốn *Sử kí Địa phận Trung* viết: "Xứ nào to rộng lắm, thì thường thường lại chia làm hai ba khu, mà mỗi một khu thường có một thầy cả (tức linh mục - NPL) ở cho được dễ coi sóc"⁽¹⁴⁾. Tại các địa phận trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên lại xuất hiện các *giáo khu* (District)⁽¹⁵⁾ - cũng là một loại hình xứ xếp hay xứ phụ cũng có linh mục thường xuyên cư trú, coi sóc. Giải thích về sự giống nhau và khác nhau giữa giáo xứ và giáo khu, Linh mục Trương Bá Cẩn viết: "Giáo xứ thực ra là giáo họ có thể là trung tâm, có thể là đông đúc nên có một linh mục cư trú để phụ trách các giáo họ chung quanh; còn giáo khu cũng là một giáo họ có thể không đông đúc, không trung tâm, nhưng thuận tiện cho linh

9. Hội đồng Giám mục Việt Nam. *Bộ giáo luật 1983*. Nxb Tôn giáo. Hà Nội 2007, tr. 180.

10. Hội đồng Giám mục Việt Nam. *Sđd*, tr. 180-181.

11. Trước năm 1954, trong các địa phận do Hội Thừa sai Nước ngoài Paris (MEP) ở Đông bằng Bắc Bộ xuất hiện các phiên đạo (Annexe) - tập hợp một số họ đạo ở những vùng xa trung tâm xứ đạo, điều kiện đi lại khó khăn nên giám mục địa phận thành lập các phiên đạo và cử các linh mục đến coi sóc. Ví như năm 1939, Địa phận Hà Nội có 88 xứ đạo, 30 phiên đạo. Địa phận Phát Diệm có 47 xứ, 9 phiên đạo.

12. Trương Bá Cẩn. *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam*, tập II. Nguyệt san Công giáo và Dân tộc, số 140, tháng 8/2006, tr.160.

13. Các địa phận do Dòng Đa Minh Tây Ban Nha thiết lập gồm: Hải Phòng, Bùi Chu, Bắc Ninh, Thái Bình và Lạng Sơn.

14. Manuel Moreno. *Sử kí Địa phận Trung*. In tại Phú Nhuận đường, 1916, tr. 129.

15. Năm 1939, Địa phận Kon Tum có 3 xứ đạo và 18 giáo khu.

mục cư trú để phụ trách các giáo họ trong khu vực⁽¹⁶⁾.

Ở Việt Nam, nhất là ở Miền Bắc, dưới xứ đạo hay phiên, khu đạo thường có một số họ lẻ được thiết lập trong các làng xã, thôn xóm. Họ đạo là loại hình tổ chức Công giáo thuần Việt, độc đáo, cơ bản và phổ biến nhất ở Việt Nam, đặc biệt là ở khu vực Đồng bằng Bắc Bộ. “Họ đạo hay giáo họ (Charétiété) là đơn vị tập hợp các giáo hữu trong một địa phận như thôn xóm, làng xã. Nhiều họ hay giáo họ hợp lại thành xứ hay giáo xứ (Paroisse). Xứ thực ra là một họ đạo có linh mục thường xuyên cư ngụ và số xứ nhiều hay ít do số linh mục ít nhiều; còn số họ nhiều hay ít mới cho thấy mức độ phát triển của địa phận về chiều rộng⁽¹⁷⁾”. Còn trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số khu vực Tây Nguyên, dưới xứ đạo hay giáo khu thường có một số giáo buôn, giống như các họ đạo lẻ ở Miền Bắc. Tại Đồng bằng Bắc Bộ, dưới họ đạo còn có *dâu, gia, tích, lân, giáp đạo*. Mỗi đơn vị đạo này thường tập hợp 10 đến 15 hộ giáo dân trong từng xóm, ngõ. Cũng có nơi *dâu, gia, giáp đạo* còn có cả nhà nguyện cho giáo dân đến sinh hoạt tôn giáo chung.

Cùng với những thay đổi trong đời sống xã hội và đời sống tôn giáo, bộ mặt xứ đạo cũng bị thay đổi, biến dạng mà có người cho đó là hiện tượng *giải cơ chế*. Nghĩa là không còn duy trì hay không thể duy trì một tổ chức tôn giáo gò bó, cứng nhắc trong một không gian bất di bất dịch, mà ở đó, xứ đạo được xem như một tổ chức thế tục nằm trong tay các giáo sĩ có toàn quyền quyết định đến đàn chiên của mình. Ở một số nước trên thế giới, nhất là ở Nam Mỹ và Châu Phi, trong giáo xứ hay bên cạnh giáo xứ xuất hiện một hình thức mới, đó là những *cộng đồng cơ bản*. Loại hình này ra đời đầu

tiên ở Braxin vào những năm 1960, sau đó phát triển sang các nước Mỹ Latinh khác, Châu Phi và Châu Âu. Khi phát triển sang các nước khác, nhất là Nam Mỹ, các *cộng đồng cơ bản* bị biến tướng, tồn tại song song với xứ đạo. Các cộng đồng này do giáo dân bổ nhiệm vị chủ chăn của mình chứ không phải do giám mục địa phận. Nó được xem như một tổ chức của quần chúng tín đồ, đối lập Giáo hội chính thống và với hàng giáo phẩm. Vì vậy, ban đầu, Giáo triều Rôma lên án mạnh mẽ các cộng đồng cơ bản, xem đó như một hình thức tổ chức đối lập với Giáo hội chính thức. Năm 1974, Thượng Hội đồng Giám mục thế giới triệu tập hội nghị để bàn về loại hình tổ chức này. Giáo hội tìm cách thao túng các cộng đồng cơ bản, đưa nó trở lại phục tùng Giáo hội. Trong Tông huấn *Loan báo Tin mừng* (1975), Giáo hoàng Phaolô VI đã chính thức thừa nhận các cộng đồng cơ bản. Giáo hoàng Gioan Phaolô II, trong các tông huấn *Huấn giáo* (1979), *Người tín hữu giáo dân* (1988), *Sứ vụ Đấng Cứu chuộc* (1990) cũng thừa nhận sự hữu ích của các cộng đồng cơ bản trong việc truyền giáo, đào tạo tín hữu, xây dựng Giáo hội⁽¹⁸⁾.

Loại hình cộng đồng cơ bản rất đa dạng và phong phú. Có nơi, nó được thiết lập bên ngoài xứ đạo, tại những vùng xa xôi, hẻo lánh, ít khi có linh mục lui tới do giáo dân đứng ra đảm nhận trách nhiệm quản lý, tổ chức đời sống đạo. Có nơi, nó được tổ chức ngay trong các xứ đạo, vì địa

16. Trương Bá Cẩn. *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam*, tập II. Nguyệt san Công giáo và Dân tộc, số 129, tháng 11/2005, tr.156.

17. Trương Bá Cẩn. *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam*, tập II. Nguyệt san Công giáo và Dân tộc, số 140, tháng 3/2006, tr.142.

18. Phan Tấn Thành. *Dân Thiên Chúa - cơ cấu phẩm trật của Giáo hội*. Sđd, tr. 292.

bàn giáo xứ quá rộng, các tín hữu đông không biết hết nhau, nên các cộng đồng này có kích thước nhỏ bé hơn, dễ tổ chức sinh hoạt cộng đoàn hơn. Các cộng đồng cơ bản được thiết lập do những mục đích khác nhau. Có cộng đồng lập ra nhằm giúp giáo dân học tập giáo lí, có nơi lập ra để giáo dân tương trợ nhau trong đời sống xã hội, như xoá đói giảm nghèo, cũng có khi lập ra để tín đồ luân phiên nhau tập điều khiển cộng đồng⁽¹⁹⁾.

Loại hình cộng đồng cơ bản có nhiều điểm khác biệt với tổ chức họ, dâu, giáp đạo ở Việt Nam. Ở nước ta, họ đạo là một bộ phận cấu thành và là tổ chức quan trọng nhất của Giáo hội cơ sở, còn xứ đạo chẳng qua chỉ là cấp hành chính đạo nói lên sự hiện hữu của các vị chủ chăn mà thôi. Hàng năm, ngoại trừ những ngày lễ trọng được tổ chức ở xứ đạo còn mọi hoạt động lễ nghi sinh hoạt tôn giáo của tín đồ chủ yếu diễn ra ở họ đạo. Hơn nữa, dưới họ đạo còn có tổ chức dâu, giáp đạo trong các xóm, ngõ hay khu dân cư nhỏ. Hệ thống xứ, họ đạo ở Việt Nam là một chỉnh thể thống nhất đặt dưới sự cai quản, coi sóc của linh mục chính xứ. Nói cách khác, họ đạo là một đơn vị thấp hơn và trực thuộc xứ đạo. Điều đó làm cho tổ chức xứ, họ đạo ở Việt Nam có nhiều tầng bậc, trở thành một hệ thống thống nhất và rất phổ biến.

Xứ, họ đạo là tổ chức Giáo hội cơ sở quan trọng của Giáo hội Công giáo có vai trò rất lớn trong việc củng cố và phát triển đạo. Vì vậy, "Giáo xứ được giáo hội đặc biệt quan tâm củng cố vì đó là cơ sở làm nền tảng cho Giáo hội, nơi diễn ra các sinh hoạt tín ngưỡng của giáo dân, là nơi thiết lập mối quan hệ chặt chẽ giữa giáo quyền và giáo dân"⁽²⁰⁾.

3. Linh mục chính xứ và những người giúp việc

Như đã trình bày, xứ đạo do linh mục⁽²¹⁾ cai quản dưới thẩm quyền của giám mục địa phận. Linh mục được giao quyền cai quản xứ đạo được gọi là *linh mục chính (chánh) xứ, linh mục quản xứ* (dân gian quen gọi là *cha xứ*, còn các sử gia Công giáo thường dùng các thuật ngữ *cha sở, cha chánh sở, cha bản sở* hoặc *chủ chăn*).

Thông thường, mỗi linh mục cai quản một xứ đạo. Tuy nhiên, trong điều kiện thiếu giáo sĩ thì giám mục địa phận có thể uỷ quyền cho một linh mục cai quản một số xứ đạo. Nếu xứ đạo được giao cho các dòng tu cai quản thì giám mục địa phận sẽ bổ nhiệm một hay một nhóm linh mục trên cơ sở được bề trên của dòng tu đó giới thiệu để trông coi một hoặc một số xứ đạo. Khi một nhóm linh mục cùng cai quản xứ đạo thì nhất thiết phải cử ra một người làm nhóm trưởng phụ trách chung. Theo Công đồng Vatican II: "Linh mục chính xứ là những cộng sự viên của giám mục, các ngài được uỷ thác việc chăm sóc các linh hồn như những chủ chăn riêng trong một khu vực nhất định thuộc giáo phận dưới quyền giám mục"⁽²²⁾. Điều 519, Bộ Giáo luật 1983 ghi: "Linh mục chính xứ là chủ chăn riêng của giáo xứ được

19. Phan Tấn Thành. Sđd, tr. 293.

20. Nguyễn Thanh Xuân. *Một số tôn giáo ở Việt Nam*. Nxb Tôn giáo. Hà Nội 2005, tr. 188.

21. Linh mục có hai loại: linh mục triều và linh mục dòng. *Linh mục triều* do giám mục địa phận đào tạo, quản lí, chủ yếu tham gia cai quản xứ đạo hoặc giúp việc ở tòa giám mục địa phận. *Linh mục dòng* do các dòng tu đào tạo, quản lí, thường hoạt động trong các dòng tu, các cơ sở xã hội, giáo dục, y tế, tham gia giảng dạy ở các chủng viện hoặc các cơ quan nghiên cứu. Cũng có linh mục dòng được giao phụ trách xứ đạo do dòng tu cai quản. Nếu giáo phận thiếu linh mục quản xứ thì giám mục giáo phận có thể nhờ bề trên các dòng cử linh mục thuộc dòng mình tham gia cai quản các xứ đạo giúp địa phận.

22. Công đồng Chung Vatican II. *Hiến chế, Sắc lệnh, Tuyên ngôn*. Sđd, tr. 358.

giao phó cho ngài và ngài thi hành trách nhiệm mục vụ của cộng đoàn được uỷ thác cho ngài, dưới quyền Giám mục giáo phận, mà ngài đã được kêu gọi để chia sẻ thừa tác vụ của Đức Kitô, ngõ hầu thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, thánh hoá và lãnh đạo đối với cộng đoàn ấy, với sự cộng tác của các linh mục hoặc các phó tế khác và với sự hợp tác của các giáo dân, chiếu theo quy tắc của luật⁽²³⁾.

Việc bổ nhiệm, bãi miễn hay chuyển chuyển linh mục chính xứ thuộc thẩm quyền quyết định của giám mục địa phận. Nhiệm vụ của linh mục chính xứ là giảng dạy, thánh hoá và cai quản xứ đạo. Về *giảng dạy*, họ có bốn phận giảng lễ trong ngày chủ nhật, ngày lễ trọng cho toàn thể giáo dân trong xứ đạo, giảng dạy giáo lí, tham gia giáo dục trong trường học của xứ đạo (nếu có), kèm cặp một số “chú nhỏ” để có thể gửi vào các chủng viện đào tạo linh mục, tu sĩ. Về *thánh hoá*, họ có bốn phận cử hành các phép bí tích, như ban phép bí tích Rửa tội, Thánh thể, Hôn phối, Giải tội (trừ bí tích Truyền chức thánh và bí tích Thêm sức),... Về *cai quản*, ngoài quản lí tài sản, sổ sách giấy tờ, như sổ rửa tội, sổ hôn phối, sổ tử và các sổ sách khác của xứ đạo, linh mục chính xứ còn có trách nhiệm quản lí giáo dân trong đời sống đạo, tổ chức, hướng dẫn họ trong một số hoạt động của đời sống thế tục như các công việc bác ái, từ thiện, chăm lo tới gia đình, chỉ đạo ban hành giáo xứ, họ đạo và các hội đoàn. Nói cách khác, linh mục chính xứ là chủ chăn riêng của giáo xứ, đảm đương việc mục vụ trong cộng đồng, dưới quyền giám mục giáo phận. Trong đó, các nghi lễ dành riêng cho linh mục chính xứ, gồm: 1. Ban bí tích Rửa tội; 2. Ban bí tích Thêm sức cho người trong cơn hấp hối (nguy tử); 3. Ban của “ăn dâng”, ban bí tích xúc dầu

bệnh nhân và ban phép lành Toà Thánh; 4. Chứng hôn và làm phép Hôn phối; 5. Cử hành lễ nghi an táng; 6. Làm phép giếng rửa tội trong mùa Phục sinh, chủ sự các cuộc rước kiệu ngoài nhà thờ và ban phép lành trọng thể ngoài nhà thờ; 7. Long trọng cử hành thánh lễ trong ngày chủ nhật và các lễ buộc⁽²⁴⁾.

Trước đây, linh mục chính xứ thường cai quản một xứ đạo đến hết đời, rất ít khi có sự chuyển chuyển. Nhưng từ sau Bộ Giáo luật năm 1983, linh mục chính xứ thường xuyên được luân chuyển. Họ chỉ coi sóc mỗi xứ đạo trong một thời gian nhất định (5 năm hoặc 7 năm tùy theo các giáo phận) rồi luân chuyển sang xứ đạo khác. Việc chuyển chuyển linh mục quản xứ thuộc thẩm quyền của giám mục địa phận.

Giúp việc cho linh mục chính xứ có các linh mục phó xứ, phó tế và Hội đồng Mục vụ. Theo Công đồng Vatican II: "Linh mục phó xứ là những cộng sự viên của linh mục chính xứ, hằng ngày các ngài góp phần cộng tác quý giá và sống động vào việc thi hành phận sự mục vụ dưới quyền linh mục chính xứ"⁽²⁵⁾. Việc bổ nhiệm linh mục phó xứ thuộc thẩm quyền quyết định của giám mục địa phận. Thường trong mỗi xứ đạo có một hoặc một số linh mục phó xứ. Họ có trách nhiệm thay mặt linh mục chính xứ cai quản, coi sóc xứ đạo khi linh mục quản xứ vắng mặt hoặc ốm đau bệnh tật; được linh mục chính xứ sai đi cử hành các buổi lễ ngày chủ nhật ở các họ đạo lẻ hoặc được giao trông coi việc giảng dạy giáo lí,

23. Hội đồng Giám mục Việt Nam. *Bộ giáo luật 1983*. Sđd, tr. 181-182.

24. Hội đồng Giám mục Việt Nam. Sđd, tr. 185-186.

25. Xem: Hội đồng Giám mục Việt Nam. *Bộ giáo luật 1983*, Sđd, tr. 360 và Phan Tấn Thành. *Dân Thiên Chúa - cơ cấu phẩm trật của Giáo hội*. Sđd, tr. 307-308.

phụ trách các hội đoàn, quản lý tài sản, sổ sách giấy tờ của xứ đạo. Nói cách khác, linh mục phó xứ là người trợ tá, giúp việc cho linh mục chính xứ trong việc cai quản, chăm sóc xứ đạo⁽²⁶⁾. Trước năm 1945, ở Việt Nam, giúp việc cho linh mục xứ đạo còn có các chú giúp lễ, các bõ ngãi, đặc biệt là đội ngũ thầy giảng, kẻ giảng⁽²⁷⁾. Họ phụ giúp linh mục trong các buổi lễ như sửa soạn đồ lễ, thay áo cho linh mục, đọc sách trong các buổi lễ ở nhà thờ, giảng dạy giáo lý cho giáo dân tân tông. Linh mục chính xứ và những người giúp việc (linh mục phó xứ, thầy giảng, kẻ giảng, các chú giúp lễ, bõ ngãi), sống chung với nhau trong một khu nhà cạnh nhà thờ chính xứ còn gọi là *Nhà Chung* hay *Nhà Đức Chúa Trời*. Ngoài ra, giúp việc cho linh mục chính xứ còn có Hội đồng Mục vụ hay Hội đồng Giáo xứ. Đây là hình thức tổ chức của giáo dân ở xứ đạo do giám mục địa phận thiết lập, đặt dưới sự điều hành trực tiếp của linh mục chính xứ. Điều 536, Bộ Giáo luật 1983 khuyến cáo: “Nếu Giám mục giáo phận xét thấy thuận lợi, sau khi đã tham khảo ý kiến của hội đồng linh mục, thì nên thiết lập trong mỗi giáo xứ một hội đồng mục vụ, do cha sở đứng đầu, trong hội đồng này, các Kitô hữu cùng với những người tham gia vào trách nhiệm mục vụ của giáo xứ, chiếu theo chức vụ của họ, phải góp phần cổ võ sinh hoạt mục vụ. Hội đồng mục vụ chỉ có quyền tư vấn và được điều hành theo các quy tắc do Giám mục giáo phận thiết lập”⁽²⁸⁾.

Như vậy, việc thành lập Hội đồng Giáo xứ tùy thuộc các địa phận chứ không nhất thiết bắt buộc đối với các địa phận. Ở Việt Nam, tổ chức này đã có từ khi đầu truyền giáo vào thế kỷ XVII, do các giáo sĩ thừa sai Dòng Tên thiết lập, dưới nhiều tên gọi khác nhau, như *Hội đồng Hàng*

xứ, Ban hành Giáo xứ, họ đạo, Ban Chức việc, Ban Quới chức, Hội Hàng phủ hay *Hội Hàng xứ...* với các chức danh đã được xác định như: *chánh trưởng, trùm trưởng, ông trùm, ông cầu, ông biện, ông trưởng, bà trưởng, v.v...* Họ là những người giúp việc đắc lực của các linh mục quản xứ, nhất là ở những xứ, họ đạo mà linh mục ít có điều kiện thường xuyên lui tới hoặc trong những thời kỳ đạo Công giáo bị chính quyền nhà nước phong kiến cấm hoạt động.

Bộ Giáo luật 1983 quy định các xứ đạo phải thiết lập *Hội đồng Kinh tế* để giúp linh mục chính xứ quản lý tài sản của xứ đạo. Điều 537, Bộ Giáo luật 1983 ghi rõ: “Mỗi giáo xứ phải có một hội đồng kinh tế được điều hành không những theo luật

26. Phan Tấn Thành. Sđd, tr. 323.

27. Đội ngũ thầy giảng, kẻ giảng và tổ chức *Nhà Đức Chúa Trời* do các giáo sĩ Dòng Tên, đặc biệt thừa sai Alexandre de Rhodes (có tên Việt là A Lịch Sơn Đắc Lộ quen gọi là Đắc Lộ) lập năm 1630 ở Đàng Ngoài và năm 1644 ở Đàng Trong. Đội ngũ này có vai trò rất quan trọng trong việc truyền giáo, phát triển đạo ở Việt Nam. Trong các thế kỷ đầu, đội ngũ thầy giảng chủ yếu do linh mục chính xứ kèm cặp, đào tạo tại Nhà Đức Chúa Trời ở xứ đạo, từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX mới có trường đào tạo thầy giảng riêng cho những người không hướng tới chức linh mục. Trong các thế kỷ XVII-XIX, đội ngũ thầy giảng, kẻ giảng chia làm hai loại: một loại lưu động theo giúp linh mục chính xứ trong các kỳ về xứ, họ đạo *làm phúc*. Trước năm 1945, do điều kiện thiếu giáo sĩ nên hầu hết các giáo phận ở Việt Nam quy định, mỗi năm các linh mục chính xứ ít nhất phải có một lần về các xứ, họ đạo xa trung tâm nhà thờ xứ để cử hành thánh lễ, ban các phép bí tích và một số hoạt động khác. Một loại cố định được linh mục chính xứ cử cai quản các họ đạo lẻ xa nhà thờ chính xứ. Loại này là nguồn gốc ra đời của đội ngũ trưởng, trùm sau này - một loại chức sắc tín đồ mang tính đặc trưng của Công giáo ở Việt Nam. Tổ chức Nhà Đức Chúa Trời là nét đặc thù của đạo Công giáo ở Bắc Bộ trước năm 1945, ở Miền Nam không có tổ chức này mà do các chủng sinh trong các chủng viện hàng năm được cử về các xứ đạo giúp linh mục chính xứ giảng dạy giáo lý cho giáo dân tân tông.

28. Hội đồng Giám mục Việt Nam. *Bộ giáo luật 1983*. Sđd, tr. 188.

phổ quát, mà còn theo các quy tắc do Giám mục giáo phận ban hành; trong hội đồng ấy, các Kitô hữu được tuyển chọn theo các quy tắc này phải giúp linh mục chính xứ trong việc quản trị tài sản của giáo xứ⁽²⁹⁾. Trong khi việc thiết lập Hội đồng Giáo xứ hay không tùy các đấng bản quyền (giám mục giáo phận), thì giáo luật buộc phải thành lập Hội đồng Kinh tế xứ đạo. Điều 532, Bộ giáo luật 1983 quy định linh mục chính xứ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc quản lý tài sản của giáo xứ⁽³⁰⁾. Nhưng đây là vấn đề khó khăn và tế nhị, đơn giản là vì không vị chủ chăn nào lại muốn có một tổ chức luôn giám sát mình về của cải, tiền bạc (chủ yếu do các tín đồ dâng cúng). Làm như vậy, vô hình trung, họ sẽ có nguy cơ mất đi nhiều quyền lợi sát sườn của mình⁽³¹⁾.

4. Một vài nhận xét

Xứ đạo là đơn vị Giáo hội Công giáo cơ sở có lịch sử lâu đời, ra đời ngay trong lòng các giáo đoàn Kitô giáo sơ kì. Quá trình hình thành và phát triển của xứ đạo diễn ra lâu dài dựa vào cơ sở xã hội Phương Tây, giống như một tổ chức xã hội thế tục, trở thành mô hình có tính chất chung cho Giáo hội toàn cầu. Xứ đạo có vị trí quan trọng đối với Giáo hội Công giáo trong việc duy trì giáo quyền cho giáo dân sống đạo, giữ đạo và phát triển đạo. Chính vì vậy, Giáo hội đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng, củng cố tổ chức này, nhất là từ sau Công đồng Vatican II với chủ trương nâng cao vai trò của giáo dân vào tác vụ tông đồ truyền giáo phát triển đạo.

Tuy nhiên, khi phát triển sang các nước khác, nhất là các vùng truyền giáo ngoài Châu Âu, loại hình xứ đạo có nhiều thay đổi, mặc dù vẫn giữ được mô hình chung của nó. Đặc biệt ở Việt Nam, loại hình này rất đa dạng, phong phú với cấu trúc nhiều tầng bậc khác nhau đan lồng

vào cơ sở xã hội (làng xã, buôn, bản) vừa mang những nét chung của Giáo hội toàn cầu, vừa có những đặc trưng riêng của Giáo hội Công giáo ở Việt Nam. Nói cách khác, Công giáo khi du nhập vào Việt Nam đã tìm cách tái cấu trúc Giáo hội cơ sở vào làng Việt truyền thống để tồn tại và phát triển. Tổ chức chặt chẽ của Giáo hội Công giáo cơ sở vừa có tính tổ chức, vừa có tính kỉ luật cao của giáo quyền, có chủ chăn riêng và có chủ thuyết rõ ràng, giờ đây đã được bổ sung, củng cố thêm bởi thiết chế chặt chẽ của làng Việt truyền thống.

Sự ra đời của xứ, họ đạo đã đưa tới sự ra đời làng Công giáo vừa mang đặc trưng của làng Việt truyền thống, vừa có nét đặc thù riêng. Làng Công giáo được tổ chức vừa theo kết cấu chặt chẽ của làng Việt truyền thống, vừa theo tổ chức Giáo hội Công giáo. Nét đặc trưng của làng Công giáo là có sự tồn tại song trùng hai thiết chế chính trị, xã hội và tôn giáo để thực hiện hai chức năng xã hội và tôn giáo, thế tục và thiêng liêng, đạo và đời. Với việc cấu trúc đan lồng vào cơ cấu xã hội của làng Việt truyền thống đã làm cho tổ chức Giáo hội Công giáo cơ sở trở thành một phương tiện hữu hiệu cho công cuộc truyền giáo phát triển đạo. Chính vì vậy, mặc dù có nhiều điểm dị biệt với văn hóa, xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống của Việt Nam, song Công giáo vẫn được duy trì và như một vết dầu loang từng bước xâm nhập, phát triển, bất chấp những khó khăn mà nó phải đương đầu./.

29. Hội đồng Giám mục Việt Nam. *Bộ giáo luật 1983*. Sđd, tr. 188.

30. Hội đồng Giám mục Việt Nam. Sđd, tr. 186.

31. Theo chúng tôi được biết ở nước ta hiện nay mới chỉ có Giáo xứ Đồng Xoài (phường 12, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh), thuộc Giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh là giáo xứ đã giao quyền quản lý tài chính cho giáo dân.